

Số: 15/2025/QĐST-DS

Gia Lai, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 16/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 2, xã P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Như N, sinh năm 1995; Địa chỉ: 106 T, phường H, tỉnh Gia Lai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của nguyên đơn: Bà Hứa Thị Trung N1, sinh năm 1964; Địa chỉ: 106 T, phường H, tỉnh Gia Lai..

Bị đơn: Ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K; Địa chỉ: 131 T, xã P, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ: Các bên thoả thuận về số tiền thanh toán gồm:

Tiền nợ gốc là 830.000.000 đồng (*Tám trăm ba mươi triệu đồng*).

Tiền nợ lãi: Các bên thoả thuận mức lãi suất theo hợp đồng vay tiền ngày 26/7/2018 là 7%/năm. Tổng số tiền lãi tính đến ngày 21/9/2025, các bên tự thoả thuận số tiền lãi là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

Tổng tiền nợ gốc và nợ lãi là 1.230.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng*).

Ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K thừa nhận còn nợ và có trách nhiệm chung trả nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.230.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng*), trong đó: Tiền nợ gốc là 830.000.000 đồng (*Tám trăm ba mươi triệu đồng*) và tổng số tiền lãi tính đến ngày 21/9/2025, các bên tự thỏa thuận số tiền lãi là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*).

2. Về thời hạn, phương thức trả nợ cụ thể như sau:

Ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K cam kết tự nguyện có nghĩa vụ chung thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 830.000.000 đồng (*Tám trăm ba mươi triệu đồng*) nợ gốc thành 08 kỳ trả nợ gốc, cụ thể như sau:

Kỳ 01: Ngày 01 tháng 11 năm 2025, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Kỳ 02: Ngày 14 tháng 02 năm 2026, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Kỳ 03: Ngày 28 tháng 12 năm 2027, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Kỳ 04: Ngày 28 tháng 12 năm 2028, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Kỳ 05: Ngày 28 tháng 12 năm 2029, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Kỳ 06: Ngày 28 tháng 12 năm 2030, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Kỳ 07: Ngày 28 tháng 12 năm 2031, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Kỳ 08: Ngày 28 tháng 12 năm 2032, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*) tiền nợ gốc.

Ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K cam kết tự nguyện có nghĩa vụ chung thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) tiền nợ lãi thành 02 kỳ trả nợ lãi, cụ thể như sau:

Kỳ 01: Ngày 28 tháng 12 năm 2032, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 170.000.000đ (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*) tiền nợ lãi.

Kỳ 02: Ngày 28 tháng 12 năm 2033, ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thanh toán 230.000.000đ (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn T.

Ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung thực hiện việc trả nợ cho ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật dân sự. Trường hợp ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K không thực hiện đúng hoặc vi phạm bất kỳ thời hạn trả nợ nêu trên thì ông Nguyễn Văn T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án đối với toàn bộ số nợ mà ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K còn phải trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (22/9/2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm trường hợp hoà giải thành trước khi mở phiên tòa là $\{36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.230.000.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng})\} : 2 = 24.450.000 \text{ đồng}$ (Hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, bị đơn là ông Phan Văn T1 và bà Nguyễn Thị Mỹ K có nghĩa vụ chung chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 24.450.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 30.128.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001108 ngày 01 tháng 08 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THADS KV8 – Gia Lai;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Văn Quảng